

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHVL, ngày tháng năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang)

**Cơ sở giáo dục được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng
số CSGD2018.07/CEA-AVU&C NGÀY 11 THÁNG 5 NĂM 2018**

Tên chương trình: Chương trình đào tạo cử nhân

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã số: 7340101

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân quản trị kinh doanh

PHẦN A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị kinh doanh trang bị cho người học những kiến thức căn bản về kinh tế, tài chính, cũng như những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị cho sinh viên; trang bị những công cụ về tin học, ngoại ngữ, thống kê, kế toán để sinh viên ra trường có khả năng phân tích, xử lý thông tin và ra quyết định trong quá trình tổ chức thực hiện các chiến lược của doanh nghiệp hay của tổ chức kinh tế-xã hội ở các cấp độ khác nhau, đặc biệt phù hợp với yêu cầu của hàng trăm ngàn doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam; sinh viên ra trường có ý thức trách nhiệm; có đạo đức nghề nghiệp có đủ năng lực để sống và làm việc hài hòa trong các cộng đồng khác nhau; có khả năng tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực suốt đời để thích ứng với sự biến động không ngừng của thị trường lao động.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

Đào tạo cử nhân QTKD có kiến thức cần thiết để trở thành một nhà quản trị hiệu quả, thành công trong môi trường kinh doanh hiện đại.

Về kỹ năng

Đào tạo cử nhân QTKD có được những kỹ năng mềm cũng nhưng những kỹ năng chuyên môn chuyên nghiệp, đủ khả năng đáp ứng với yêu cầu của môi trường làm việc đa dạng trong nước và khu vực.

Kỹ năng chuyên môn

Có kỹ năng sử dụng các công cụ, phương pháp thu thập dữ liệu internet, dữ liệu mạng hệ thống để phân tích, nhận định thị trường để đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế và cả những kỹ năng quản trị rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt trên thị trường.

Kỹ năng mềm

Có kỹ năng làm việc độc lập hoặc phối hợp hoạt động theo nhóm với phong cách chuyên nghiệp, linh hoạt xử lý các vấn đề khó khăn trong công việc hay cuộc sống.

Kỹ năng ngoại ngữ

Sử dụng tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên ngành phục vụ cho công tác chuyên môn ở mức độ trung bình.

Kỹ năng tin học

Sử dụng công cụ tin học văn phòng và các phần mềm ứng dụng cần thiết trong quá trình tổ chức và quản trị hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Về thái độ

Đào tạo cử nhân ngành QTKD có ý thức tôn trọng và chấp hành luật pháp, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có tinh thần cầu thị, linh hoạt chủ động và ý thức học tập suốt đời nhằm thích nghi với môi trường thay đổi nhanh chóng.

2. Chuẩn đầu ra

Kiến thức
ELO 1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, luật pháp và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào phân tích và lý giải các tình huống khác nhau trong hoạt động quản trị kinh doanh.
ELO 2: Phân tích các xu hướng kinh doanh, nhu cầu của thị trường, nguồn lực của tổ chức dựa trên các lý thuyết, các mô hình liên quan đến quản trị kinh doanh.
ELO 3: Đánh giá tầm quan trọng của các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô và vi mô cũng như sự đa dạng, toàn cầu hoá tác động đến tổ chức nhằm đưa ra các quyết định quản trị.
ELO 4: Xây dựng chiến lược kinh doanh và quyết định vận hành kinh doanh dựa trên quan điểm kinh doanh tích cực nhằm mang đến lợi ích cho khách hàng, cộng đồng và xã hội.
Kỹ năng tổng quát

ELO 5: Giải quyết các vấn đề trong kinh doanh và các vấn đề liên quan bằng cách vận dụng tư duy hệ thống và đa chiều.
ELO 6: Áp dụng các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm chuyên nghiệp, hiệu quả trong bối cảnh đa dạng, đa văn hoá với vai trò là một thành viên trong nhóm hay một nhà lãnh đạo.
Kỹ năng chuyên môn
ELO 7: Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp và công nghệ hiện đại vào quản lý vận hành các hoạt động của doanh nghiệp và quản trị hệ thống thông tin
ELO 8: Tra cứu, thu thập, phân tích và xử lý thông tin bằng các phương pháp định tính và định lượng nhằm đưa ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh.
Thái độ
ELO 9: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
ELO 10: Thích ứng tốt với môi trường, linh động với hoàn cảnh, kiên trì và tinh thần học tập suốt đời.

3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

- Có khả năng đảm nhận các vị trí công tác tại các doanh nghiệp từ nhân viên chuyên môn, chuyên viên nghiên cứu, đến các chức vụ trưởng phó phòng; trợ lý; giám đốc, phó giám đốc kinh doanh trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Có khả năng đảm nhận các công việc và vị trí được phân công tại các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội, các đơn vị hành chính sự nghiệp.

Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin

- Trong thời gian đầu (ít hơn 3 năm), SV có thể làm việc ở các vị trí sau:
 - Nhân viên Phân tích nghiệp vụ doanh nghiệp (Business Analyst).
 - Nhân viên bán hàng, marketing, chăm sóc mối quan hệ khách hàng.
 - Nhân viên triển khai giải pháp CNTT cho doanh nghiệp.
- Từ 3-5 năm có khả năng đảm trách các vị trí:
 - Chuyên viên tư vấn giải pháp CNTT cho doanh nghiệp.
 - Chuyên viên kiểm định HTTT
 - Trưởng nhóm, quản lý dự án HTTT
 - Quản lý CNTT, HTTT trong doanh nghiệp.
- Về dài hạn (trên 5-10 năm) có thể phát triển nghề nghiệp ở những vị trí cấp cao:
 - Giám đốc HTTT của doanh nghiệp (CIO,)
 - Giám đốc đào tạo và xây dựng chuẩn/ quy trình cho doanh nghiệp
 - Giám đốc điều hành doanh nghiệp (CEO)

4. Đối tượng tuyển sinh:

Tất cả công dân Việt Nam đã tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương đạt các yêu cầu theo Quy chế tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Văn Lang.

5. Phương thức tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh hàng năm của Đại học Văn Lang. Từ năm 2019, ngành quản trị kinh doanh sẽ xét tuyển theo 04 tổ hợp:

- D01, toán, ngữ văn, tiếng Anh;
- C01, toán, ngữ văn, vật lý;
- C02, toán, ngữ văn, hóa học;
- C04, toán, ngữ văn, địa lý.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1 Quy trình đào tạo

Chương trình học dự kiến được thực hiện trong 4 năm. Khi đăng ký học theo học chế tín chỉ, sinh viên có thể rút ngắn thời gian học so với dự kiến. Học kỳ cuối cùng, sinh viên đi thực tập tốt nghiệp. Sau thực tập tốt nghiệp, sinh viên làm báo cáo thực tập tốt nghiệp và làm Khóa luận tốt nghiệp/học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

6.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được tốt nghiệp khi:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng; có kết quả đạt học phần Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ tiếng Anh đạt yêu cầu chuẩn đầu ra tiếng Anh của Trường Đại học Văn Lang, cụ thể là:
 - Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc do Bộ GD và ĐT ban hành;
 - Hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (còn thời hạn ở thời điểm tốt nghiệp) với mức điểm tối thiểu như sau: CEFR B1; IELTS 4.5; TOIEC 450; TOEFL iBT 45; Cambridge Tests: 45-59 FCE, 65-79 PET, 90-100 KET.

7. Điều kiện đảm bảo chất lượng:

7.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học	
1	Phòng học/giảng đường	170	17.573	Máy chiếu, máy tính, ampli, microphone	170, 36, 170, 170,	Các môn học lý thuyết và Anh văn	
2	Hội trường	6	3.283	Máy chiếu, Màn hình TV cỡ lớn, ampli, microphone	6, 8, 6, 12	Các môn lý thuyết chung	
3	Máy tính	12	1.148	Bảng, máy tính, microphone, máy chiếu	12, 550, 12, 12	Anh văn, Tin học đại cương	
4	Nhà thi đấu đa năng	5	11.315	Dây kéo co, Dẻo gập thân bọc đứng, Lưới bóng chuyền, Lưới cầu lông, Thảm tổng hợp 12 răng, Trụ bóng rổ, Trụ cầu lông, Trụ nhảy cao.		GD thể chất	

7.2. Thư viện

- Diện tích thư viện: 2.499 m²;
- Diện tích phòng đọc: 1.731 m²
- Số chỗ ngồi: 1.633;
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 16
- Phần mềm quản lý thư viện: 01
- Thư viện điện tử: <http://thuvienso.vanlanguni.edu.vn>;
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 5.115 đầu tài liệu

7.3 Đội ngũ CB. GV. NV: (Đính kèm)

PHẦN B: CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng khối lượng tín chỉ: 126 tín chỉ, không kể giáo dục thể chất và giáo dục an ninh quốc phòng.

2. Cấu trúc chương trình

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ) (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết	Điều kiện học trước
1. Kiến thức giáo dục đại cương (31 tín chỉ)						
1	DCT0080	Triết học Mác – Lênin (Marxist-Leninist philosophy)	3 (45LT)	BB		
2	DCT0090	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist – Leninist political economy)	2 (30LT)	BB		Sau Triết học Mác – Lênin
3	DCT0100	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Science socialism)	2 (30LT)	BB		Sau Triết học Mác – Lênin
4	DCT0110	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam)	2 (30LT)	BB		Sau Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	DCT0030	Tư tưởng HCM (Ho Chi Minh's Ideology)	2 (30LT)	BB		Sau Chủ nghĩa xã hội khoa học
6	DPL0010	Pháp luật đại cương (General Law)	2 (30LT)	BB		
7	DMT0020	Môi trường và con người (People and Environment)	2 (30LT)	BB		
8	DQT0020	Đạo đức kinh doanh (Business Ethics)	2 (30LT)	BB		
9	DTA0012	Anh văn 1 (English 1)	3 (45LT)	BB		
10	DTA0020	Anh văn 2 (English 2)	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 1	
11	DTA0030	Anh văn 3 (English 3)	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 2	
12	DTA0040	Anh văn 4 (English 4)	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 3	
13	DTH0012	Tin học cơ bản (Basic Informatics)	2 (30LT)	BB		
14	DGT0010 DGT0020	Giáo dục thể chất 1, 2 (Physical education 1,2)	30LT/60 TH	BB		
15	DQP0010	Giáo dục quốc phòng	90LT/75 TH	BB		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (95 tín chỉ)						
2.1 Kiến thức cơ sở ngành (50 tín chỉ)						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ) (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết	Điều kiện học trước
16	DKT0010	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3 (45LT)	BB		
17	DKT0031	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3 (45LT)	BB		Sau Kinh tế vi mô
18	DQT0360	Thách thức kinh doanh tích hợp (Integrated Business Challenge)	3 (45LT)	BB		
19	DKT0080	Tài chính tiền tệ (Money and Finance)	3 (45LT)	BB		Sau Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
20	DAC0010	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3 (45LT)	BB		
21	DKT0130	Kinh tế và tài chính quốc tế (International Economics and Finance)	3 (45LT)	BB		Sau Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
22	DPL0030	Luật kinh tế (Economic Law)	2 (30LT)	BB		Sau Pháp luật đại cương
23	DKT0020	Marketing căn bản (Basic Marketing)	3 (45LT)	BB		
24	DTN0160	Thống kê trong kinh doanh (Business Statistics)	3 (45LT)	BB		
25	DQT0010	Quản trị học (Management)	3 (45LT)	BB		
26	DKT0061	Kinh tế lượng (Econometrics)	3 (45LT)	BB		
27	DTA0210	Anh văn chuyên ngành 1 (Specialized English for Business 1)	3 (45LT)	BB		Sau Anh văn 4
28	DTA0240	Anh văn chuyên ngành 2 (Specialized English for Business 2)	3 (45LT)	BB		Sau Anh văn chuyên ngành 1
29	DCO0070	Thương mại điện tử (E-Commerce)	3 (45LT)	BB		Sau Marketing căn bản
30	DCO0080	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế (Foreign Trade Operations and International Payment)	3 (45LT)	BB		
31	DQT0370	Thách thức kinh doanh quốc tế (International Business Challenge)	3 (45LT)	BB		Sau Thách thức kinh doanh tích hợp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ) (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết	Điều kiện học trước
32	DQT0380	Thách thức kinh doanh ứng dụng (Applied Business Challenge)	3 (45LT)	BB		Sau Thách thức kinh doanh quốc tế
2.2Kiến thức ngành (37 tín chỉ)						
2.2.1Kiến thức bắt buộc, 32 tín chỉ						
33	DQT0092	Quản trị tài chính (Financial Management)	3 (45LT)	BB		Sau Nguyên lý kế toán
34	DQT0091	Quản trị nguồn nhân lực (Human Resource Management)	3 (45LT)	BB		Sau Quản trị học
35	DQT0200	Hành vi tổ chức (Organizational Behaviour)	2 (30LT)	BB		Sau Quản trị học
36	DQT0110	Quản trị marketing (Marketing Management)	3 (45LT)	BB		Sau Marketing căn bản
37	DQT0093	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	3 (45LT)	BB		Sau Quản trị học
38	DQT0390	Quản trị sự thay đổi trong tổ chức (Managing Organizational Change)	3 (45LT)	BB		Sau Quản trị học
39	DQT0098	Quản trị chất lượng (Quality Management)	3 (45LT)	BB		Sau Quản trị học
40	DQT0080	Quản trị rủi ro (Risk Management)	2 (30LT)	BB		Sau Quản trị học
41	DQT0090	Quản trị dự án (Project Management)	2 (30LT)	BB		Sau Quản trị học
42	DQT0095	Quản trị sản xuất (Production Management)	2 (30LT)	BB		Sau Quản trị học
43	DQT0100	Quản trị kho bãi (Warehousing Management)	2 (30LT)	BB		Sau Quản trị học
44	DQT0120	Quản trị thương hiệu (Brand Management)	2 (30LT)	BB		Sau Marketing căn bản
45	DQT0096	Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)	2 (30LT)	BB		Sau Marketing căn bản
2.2.2 Kiến thức tự chọn 5 tín chỉ trong các học phần sau						
46	DCO0060	Logistics	3 (45LT)	TC		
47	DCO0200	Bảo hiểm và vận tải quốc tế (International Transportation and Insurance)	3 (45LT)	TC		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ) (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết	Điều kiện học trước
48	DCO0050	Marketing quốc tế (International Marketing)	3 (45LT)	TC		Sau Marketing căn bản
49	DQT0160	Quản trị hành chính văn phòng (Administration Management)	2 (30LT)	TC		Sau Quản trị học
50	DKT0120	Bối cảnh kinh doanh quốc tế (International Business Context)	3 (45LT)	TC		Sau Kinh tế vĩ mô
51	DQT0210	Hành vi khách hàng (Customer Behaviour)	2 (30LT)	TC		Sau Marketing căn bản
52	DCO0170	Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing).	2 (30LT)	TC		Sau Marketing căn bản
53	DPR0090	Tổ chức sự kiện (Event Planning)	2 (30LT)	TC		Sau Marketing căn bản
2.3. Báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận TN/học phần thay thế, 8 tín chỉ						
54	DQT0330	Thực tập	2 (90TT)	BB		
55	DQT0341	KLTN hoặc các học phần thay thế (chọn một số học phần chưa chọn trong các học phần kiến thức ngành tự chọn).	6 (270LA)	BB		

Ghi chú: LT = số giờ lý thuyết; TH = Số giờ thực hành; ĐA = số giờ đồ án; TT = Số giờ thực tập; Ghi chú: nếu bắt buộc phải học theo học kỳ nào đó trong CTĐT hoặc yêu cầu đặc biệt cần lưu ý thì ghi vào cột này.

Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ) (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết	Điều kiện học trước
1. Kiến thức giáo dục đại cương, 31 tín chỉ						
1	DCT0080	Triết học Mác – Lênin (Marxist-Leninist philosophy)	3 (45LT)	BB		
2	DCT0090	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist - Lenin political economy)	2 (30LT)	BB		Sau Triết học Mác – Lênin
3	DCT0100	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Science socialism)	2 (30LT)	BB		Sau Triết học Mác – Lênin
4	DCT0110	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam)	2 (30LT)	BB		Sau Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	DCT0030	Tư tưởng HCM (Ho Chi Minh's Ideology)	2 (30LT)	BB		Sau Chủ nghĩa xã hội khoa học
6	DPL0010	Pháp luật đại cương (General Law)	2 (30LT)	BB		
7	DMT0020	Môi trường và con người (People and Environment)	2 (30LT)	BB		
8	DQT0020	Đạo đức kinh doanh (Business Ethics)	2 (30LT)	BB		
9	DTA0012	Anh văn 1 (English 1)	3 (45LT)	BB		
10	DTA0020	Anh văn 2 (English 2)	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 1	
11	DTA0030	Anh văn 3 (English 3)	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 2	
12	DTA0040	Anh văn 4 (English 4)	3 (45LT)	BB	Đạt Anh văn 3	
13	DTH0012	Tin học cơ bản (Basic Informatics)	2 (30LT)	BB		
14	DGT0010 DGT0020	Giáo dục thể chất 1,2 (Physical education 1,2)	30LT/60TH	BB		
15	DQP0010	Giáo dục quốc phòng	90LT/75TH	BB		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 95 tín chỉ						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành, 43 tín chỉ						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ) (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết	Điều kiện học trước
16	DKT0010	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3 (45LT)	BB		
17	DKT0031	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3 (45LT)	BB		Sau Kinh tế vi mô
18	DQT0360	Thách thức kinh doanh tích hợp (Intergrated Business Challenge)	3 (45LT)	BB		
19	DKT0080	Tài chính tiền tệ (Money and Finance)	3 (45LT)	BB		Sau Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
20	DAC0010	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3 (45LT)	BB		
21	DKT0130	Kinh tế và tài chính quốc tế (International Economics)	2 (30LT)	BB		Sau Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
22	DPL0030	Luật kinh tế (Economic Law)	2 (30LT)	BB		Sau Pháp luật đại cương
23	DKT0020	Marketing căn bản (Basic Marketing)	3 (45LT)	BB		
24	DTN0160	Thống kê kinh doanh (Business Statistics)	3 (45LT)	BB		
25	DQT0010	Quản trị học (Management)	3 (45LT)	BB		
26	DKT0061	Kinh tế lượng (Econometrics)	3 (45LT)	BB		
27	DTA0210	Anh văn chuyên ngành 1 (Specialized English for Business 1)	3 (45LT)	BB		Sau Anh văn 4
28	DTA0240	Anh văn chuyên ngành 2 (Specialized English for Business 2)	3 (45LT)	BB		Sau Anh văn chuyên ngành 1
29	DQT0370	Thách thức kinh doanh quốc tế (International Business Challenge)	3 (45LT)	BB		Sau Thách thức kinh doanh tích hợp
30	DQT0380	Thách thức kinh doanh ứng dụng (Applied Business Challenge)	3 (45LT)	BB		Sau Thách thức kinh doanh quốc tế
2.2. Kiến thức ngành, 44 tín chỉ						
31	DQT0092	Quản trị tài chính	3 (45LT)	BB		Sau Nguyên lý kế toán

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ) (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết	Điều kiện học trước
		(Financial Management)				
32	DQT0091	Quản trị nguồn nhân lực (Human Resource Management)	3 (45LT)	BB		Sau Quản trị học
33	DQT0390	Quản trị sự thay đổi trong tổ chức (Managing Organizational Change)	3 (45LT)	BB		Sau Quản trị học
34	DQT0070	Nhập môn Quản lý Hệ thống thông tin (Introduction to ISM)	3 (30LT/30TH)	BB		
35	DTH0053	Nền tảng máy tính (FoC)	3 (30LT/30TH)	BB		
36	DQT0221	Mạng và bảo mật thông tin	3 (30LT/30TH)	BB		
37	DQT0230	Cơ sở dữ liệu (Database)	3 (30LT/30TH)	BB		
38	DQT0241	Phân tích dữ liệu doanh nghiệp (Business Data Analysis)	3 (30LT/30TH)	BB		Sau Cơ sở dữ liệu
39	DQT0060	Giá trị doanh nghiệp (Business Value)	3 (30LT/30TH)	BB		
40	DQT0250	Kỹ thuật lấy yêu cầu doanh nghiệp (Requirements Engineering)	3 (30LT/30TH)	BB		Sau Nhập môn Quản lý hệ thống thông tin
41	DQT0260	Quản lý dự án hệ thống thông tin (ISM and practices)	3 (30LT/30TH)	BB		Sau Nhập môn Quản lý hệ thống thông tin; Kỹ thuật lấy yêu cầu doanh nghiệp
42	DQT0270	Quản lý quy trình doanh nghiệp (Business Process Management)	3 (30LT/30TH)	BB		Sau Nhập môn Quản lý hệ thống thông tin
43	DQT0281	Lý thuyết và thực hành hệ thống thông tin (IS theories and practice)	3 (45LT)	BB		Sau Nhập môn Quản lý hệ thống thông tin

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ) (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết	Điều kiện học trước
44	DQT0291	Quản lý quy trình và chất lượng hệ thống thông tin (Process & quality management)	3 (45LT)	BB		Sau Quản lý dự án hệ thống thông tin
45	DQT0300	Đồ án hè	2 (60TH)	BB		Sau môn Quản lý dự án hệ thống thông tin
2.3. Thực tập tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp/học phần thay thế, 8 tín chỉ						
46	DQT0330	Thực tập	2 (90TT)	BB		
47	DQT0230	Đồ án tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế	6 (270ĐA)	BB		
Các học phần thay thế			6			
1	DQT0095	Quản trị sản xuất (Production Management)	2 (30LT)	TC		
2	DQT0093	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	3 (45LT)	TC		
3	DQT0160	Quản trị hành chính văn phòng (Administration Management)	2 (30LT)	TC		
4	DQT0096	Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)	2 (30LT)	TC		
5	DQT0110	Quản trị marketing (Marketing Management)	3 (45LT)	TC		
6	DCO0170	Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing)	2 (30LT)	TC		
7	DPR0090	Tổ chức sự kiện (Event Planning)	2 (30LT)	TC		

Ghi chú: LT = số giờ lý thuyết; TH = Số giờ thực hành; ĐA = số giờ đồ án; TT = Số giờ thực tập; Ghi chú: nếu bắt buộc phải học theo học kỳ nào đó trong CTĐT hoặc yêu cầu đặc biệt cần lưu ý thì ghi vào cột này.

3. Ma trận kỹ năng (Mối quan hệ giữa CDR và các học phần)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ (TC)	Kiến thức				Kỹ năng tổng quát		Kỹ năng chuyên môn		Thái độ	
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
1.	Triết học Mác – Lênin (Marxist-Leninist philosophy)	3 TC (45LT)	H					S			S	
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist – Leninist political economy)	2 TC (30LT)	H					S			S	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Science socialism)	2 TC (30LT)	H					S			S	
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam)	2 TC (30LT)	H					S			S	
5.	Tư tưởng HCM (Ho Chi Minh's Ideology)	2 TC (30LT)	H					S			S	
6.	Pháp luật đại cương (General Law)	2 TC (30LT)	H					S		S	S	
7.	Môi trường và con người (People and Environment)	2 TC (30LT)	H					S			S	S
8.	Đạo đức kinh doanh (Business Ethics)	2 TC (30LT)				H		S			S	S
9.	Anh văn 1 (English 1)	3 TC (45LT)						H				S
10.	Anh văn 2 (English 2)	3 TC (45LT)						H				S
11.	Anh văn 3 (English 3)	3 TC (45LT)						H				S
12.	Anh văn 4 (English 4)	3 TC (45LT)						H				S
13.	Tin học cơ bản (Basic Informatics)	2 TC (30LT)							H	S		S
14.	Giáo dục thể chất 1,2 (Physical education 1,2)	(30LT/60TH)						S				H
15.	Giáo dục quốc phòng	(90LT/75TH)						S				H

TT	Tên học phần	Số tín chỉ (TC)	Kiến thức				Kỹ năng tổng quát		Kỹ năng chuyên môn		Thái độ	
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
16.	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3 TC (45LT)			H		S	S	S			S
17.	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3 TC (45LT)			H		S	S	S			S
18.	Thách thức kinh doanh tích hợp (Integrated Business Challenge)	3 TC (45LT)			H	S	S	S	S			S
19.	Tài chính tiền tệ (Money and Finance)	3 TC (45LT)		H	S			S	S			S
20.	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3 TC (45LT)		H			S	N	S		S	S
21.	Kinh tế và tài chính quốc tế (International Economics and Finance)	3 TC (45LT)		H				S	S			S
22.	Luật kinh tế (Economic Law)	2 TC (30LT)	H	H				S	S		S	
23.	Marketing căn bản (Basic Marketing)	3 TC (45LT)		H				S	S			S
24.	Thống kê kinh doanh (Business Statistics)	3 TC (45LT)		S				S		H	N	S
25.	Quản trị học (Management)	3 TC (45LT)		H	S			S	S			S
26.	Kinh tế lượng (Econometrics)	3 TC (45LT)		S						H	S	
27.	Anh văn chuyên ngành 1 (Specialized English for Business 1)	3 TC (45LT)						H	S			S
28.	Anh văn chuyên ngành 2 (Specialized English for Business 2)	3 TC (45LT)						H	S			S
29.	Thương mại điện tử (E-Commerce)	3 TC (45LT)		H	S		S	S	S			S
30.	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế	3 TC (45LT)					S	S	H			S

TT	Tên học phần	Số tín chỉ (TC)	Kiến thức				Kỹ năng tổng quát		Kỹ năng chuyên môn		Thái độ		
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	
	(Foreign Trade Operations and International Payment)												
31.	Thách thức kinh doanh quốc tế (International Business Challenge)	3 TC (45LT)		S	H			S	S	S			S
32.	Thách thức kinh doanh ứng dụng (Applied Business Challenge)	3 TC (45LT)			S			H	S	S			S
33.	Quản trị tài chính (Financial Management)	3 TC (45LT)		H		S			S	S			S
34.	Quản trị nguồn nhân lực (Human Resource Management)	3 TC (45LT)		H					S	S			S
35.	Hành vi tổ chức (Organizational Behaviour)	2 TC (30LT)		H		S			S	S			S
36.	Quản trị marketing (Marketing Management)	3 TC (45LT)		H					S	S			S
37.	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	3 TC (45LT)		H					S	S			S
38.	Quản trị sự thay đổi trong tổ chức (Managing Organizational Change)	3 TC (45LT)		H					S	S			S
39.	Quản trị chất lượng (Quality Management)	3 TC (45LT)		H					S	S			S
40.	Quản trị rủi ro (Risk Management)	2 TC (30LT)		H					S	S			S
41.	Quản trị dự án (Project Management)	2 TC (30LT)		S	S	H			S	S			S
42.	Quản trị sản xuất (Production Management)	2 TC (30LT)		H					S	S			S
43.	Quản trị kho bãi (Warehousing Management)	2 TC (30LT)		H	S	S			S				S

TT	Tên học phần	Số tín chỉ (TC)	Kiến thức				Kỹ năng tổng quát		Kỹ năng chuyên môn		Thái độ	
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
44.	Quản trị thương hiệu (Brand Management)	2 TC (30LT)		H				S	S			S
45.	Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)	2 TC (30LT)		H		S		S	S			S
46.	Logistics	3 TC (45LT)		H				S	S			S
47.	Bảo hiểm và vận tải quốc tế (International Transportation and Insurance)	3 TC (45LT)		H				S	S			S
48.	Marketing quốc tế (International Marketing)	3 TC (45LT)		H				S	S			S
49.	Quản trị hành chính văn phòng (Administration Management)	3 TC (45LT)		H				S	S			S
50.	Bối cảnh kinh doanh quốc tế (International Business Context)	2 TC (30LT)			H			S	S			S
51.	Hành vi khách hàng (Customer Behaviour)	3 TC (45LT)		H		S		S	S			S
52.	Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing).	2 TC (30LT)		H				S	S			S
53.	Tổ chức sự kiện (Event Planning)	2 TC (30LT)		H		S		S	S			S
54.	Nhập môn Quản lý Hệ thống thông tin (Introduction to ISM)	3 TC (30LT/30TH)						S	S	S		S
55.	Nền tảng máy tính (FoC)	3 TC (30LT/30TH)		S				S	S	S		S
56.	Mạng và bảo mật thông tin	3 TC (30LT/30TH)		S				S	S	S	S	S

TT	Tên học phần	Số tín chỉ (TC)	Kiến thức				Kỹ năng tổng quát		Kỹ năng chuyên môn		Thái độ	
			ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
57.	Cơ sở dữ liệu (Database)	3 TC (30LT/30TH)		S				S	S	S	S	S
58.	Phân tích dữ liệu doanh nghiệp (Business Data Analysis)	3 TC (30LT/30TH)		S			S		S	H		S
59.	Giá trị doanh nghiệp (Business Value)	3 TC (30LT/30TH)		S			S		S	H		S
60.	Kỹ thuật lấy yêu cầu doanh nghiệp (Requirements Engineering)	3 TC (30LT/30TH)		S			S		S	H		S
61.	Quản lý dự án hệ thống thông tin (ISM and practices)	3 TC (30LT/30TH)		S				S	S	S	S	S
62.	Quản lý quy trình doanh nghiệp (Business Process Management)	3 TC (30LT/30TH)		S				S	S	S	S	S
63.	Lý thuyết và thực hành hệ thống thông tin (IS theories and practice)	3 (45LT)		S				S	S	S	S	S
64.	Quản lý quy trình và chất lượng hệ thống thông tin (Process & quality management)	3 (45LT)		S				S	S	S	S	S
65.	Đồ án hè	2 TC (60TH)		S	S	S	S		S	S	S	S
66.	Báo cáo thực tập tốt nghiệp (Fieldtrip Report)	2 TC	S	S	S	H	S		S	S	S	S
67.	Khóa luận tốt nghiệp	6 TC	S	S	S	H	S		S	S	S	S
68.	Đồ án tốt nghiệp	6 TC	S	S	S	H	S	S	S	S	S	S

S: Có đóng góp (supported)

H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

“Trống”: Không đóng góp (none supported)

4. Bảng đối sánh CTĐT (Xem phần phụ lục)

5. Nội dung tóm tắt học phần:

1. Triết học Mác – Lênin (Marxist-Leninist philosophy):

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung: Môn học trang bị cho người học:

- Kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.
- Thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng của Việt Nam.
- Những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin; hiểu rõ cơ sở lý luận quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nền tảng tư tưởng của Đảng; trên cơ sở đó xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng; vận dụng sáng tạo nó trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, trong rèn luyện và tu dưỡng đạo đức, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist - Lenin political economy):

Điều kiện tiên quyết/học trước: Triết học Mác – Lênin

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.
- Thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Science socialism)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Triết học Mác-Lênin

Nội dung: Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn học khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam):

Điều kiện tiên quyết/học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung:

- Giúp cho sinh viên nhận rõ Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động; một đảng phấn đấu vì độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Góp phần bồi dưỡng sinh viên về phương pháp, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và chiến đấu vì nhân dân, vì Tổ quốc.
- Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm.

- Thái độ tích cực về lý tưởng cách mạng, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức lối sống tốt.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology):

Điều kiện tiên quyết/học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Nội dung: Cung cấp cho SV

- Những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về tư tưởng, về đạo đức và văn hóa Hồ Chí Minh.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy biện chứng, phản biện.
- Thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

6. Pháp luật đại cương (General Law)

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung: Kiến thức tổng quan về sự ra đời, hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật. Từ đó, trình bày được những quy luật căn bản về sự tồn tại của các yếu tố mang tính quyền lực ở phạm vi quốc gia. Sinh viên vận dụng kiến thức về một số luật chuyên ngành cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống thực tiễn.

7. Môi trường và con người (People and Environment)

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên:

- Trang bị cho sinh viên không chuyên những kiến thức cơ bản về môi trường, mối quan hệ tương hỗ giữa con người và môi trường, cơ sở khoa học môi trường, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.
- Rèn luyện cho sinh viên tham gia xây dựng bài trên lớp và làm bài tập tại lớp, góp phần hình thành kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình và tư duy giải quyết vấn đề của sinh viên.
- Hình thành ý thức bảo vệ môi trường trong cuộc sống hàng ngày và các hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

8. Đạo đức kinh doanh (Business Ethics)

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung: Môn học giúp cho sinh viên hiểu rõ thế nào là các hoạt động/hành vi có đạo đức và vô đạo đức trong kinh doanh. Đạo đức kinh doanh là hoạt động có đạo đức trong mọi lĩnh vực kinh doanh, con người, pháp luật.

9. Anh văn 1 (English 1)

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung: Môn học giúp

- Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.
- Sinh viên có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v...

10. Anh văn 2 (English 2)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Anh Văn 2

Nội dung: Môn học giúp Sinh viên:

- Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm).
- Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày.
- Sinh viên có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

11. Anh văn 3 (English 3):

Điều kiện tiên quyết/học trước: Anh Văn 2

Nội dung: Môn học giúp

- Sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...
- Sinh viên có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó.
- Sinh viên có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

12. Anh văn 4 (English 4):

Điều kiện tiên quyết/học trước: Anh Văn 3

Nội dung: Môn học giúp

- Sinh viên có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.
- Sinh viên có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

13. Tin học cơ bản (Basic Informatics)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung: Môn học cung cấp:

Kiến thức

- Sinh viên mô tả cấu trúc máy tính, mạng máy tính kết nối
- Cài đặt phần mềm ứng dụng trong máy tính, sửa lỗi khắc phục sự tương thích của phần mềm trong quá trình sử dụng

Kỹ năng

- Tìm kiếm tài nguyên trên mạng Internet và chia sẻ thông tin. Gửi/nhận thư điện tử
- Soạn thảo bài trình chiếu hiệu quả
- Soạn thảo tài liệu văn bản với các chuẩn mực định dạng. Xử lý bảng tính và tính toán số liệu theo yêu cầu

Thái độ và phẩm chất

– Học tập nghiêm túc, kiên trì và kỷ luật thông qua môi trường chia sẻ thông tin.

14. Giáo dục thể chất:

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung: Môn học cung cấp những kiến thức

Kiến thức:

- Phân biệt được các kỹ thuật cơ bản của môn học.
- Áp dụng luật thi đấu của môn học vào tập luyện và thi đấu.

Kỹ năng:

- Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn học
- Phối hợp làm việc nhóm, tổ chức và quản lý nhóm thi đấu, giải quyết các vấn đề của nhóm một cách hiệu quả.
- Tổ chức được giải đấu thể thao phong trào.

Thái độ:

- Có thói quen vận động, tự giác, tích cực tập luyện thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe. Thể hiện tinh thần thể thao trung thực, cao thượng.

15. Giáo dục an ninh - quốc phòng:

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung: Sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng

16. Kinh tế vi mô (Microeconomics)

Điều kiện tiên quyết/học trước: không

Nội dung: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên.

Kiến thức:

- Hoạt động của thị trường.
- Hành vi của người tiêu dùng và người sản xuất trên thị trường.

Kỹ năng:

- Phân tích, so sánh giá cả và đánh giá hiệu quả hoạt động giữa các cấu trúc thị trường khác nhau
- Phân tích các biện pháp can thiệp của chính phủ vào thị trường
- Làm việc nhóm, tư duy logic
- Tự học tập, cập nhật kiến thức và tự nghiên cứu

Thái độ:

- Giúp sinh viên hình thành đức tính trung thực, kiên trì, chăm chỉ, có trách nhiệm trong công việc.

17. Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kinh tế Vi mô.

Nội dung: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên.

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên:

Kiến thức:

- Các học thuyết kinh tế vĩ mô
- Hoạt động của nền kinh tế trên giác độ tổng thể
- Nguyên nhân gây ra các biến động kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn
- Vai trò và tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ

Kỹ năng:

- Phân tích các biến động kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn
- Giải thích và phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của toàn bộ nền kinh tế
- Tự học tập, cập nhật kiến thức và tự nghiên cứu
- Thu thập dữ liệu kinh tế
- Làm việc nhóm, tư duy logic

Thái độ:

- Giúp sinh viên hình thành được các đức tính trung thực, cẩn thận, chăm chỉ và có trách nhiệm trong công việc.

18. Thách thức kinh doanh tích hợp (Integrated Business Challenge)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không.

Nội dung: Thách thức kinh doanh tích hợp là môn học đầu tiên trong chuỗi môn học về thách thức kinh doanh. Môn học sử dụng phương pháp lấy người học làm trung tâm thông qua các hoạt động nhóm và cá nhân trong một hoạt động tích hợp là thực hiện dự án. Môn học nhằm mục đích phát triển các kỹ năng cần thiết về chuyên môn, cá nhân và học thuật.

Dự án thách thức kinh doanh sẽ cung cấp sự thách thức, sự linh hoạt và mô phỏng bối cảnh kinh doanh trong thực tế. Môn học sẽ bao gồm cả hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm trong một mô hình kinh doanh chuyên nghiệp. Các hoạt động học tập sẽ được xây dựng để bao gồm tạo động lực và quản lý xung đột nhóm, tư duy phản biện và phân tích thông tin, hình thành các kỹ năng học thuật bao gồm kỹ năng giao tiếp kinh doanh bằng văn bản và thuyết trình.

19. Tài chính tiền tệ (Money and Finance)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô.

Nội dung: Mô tả được hệ thống kiến thức về nguyên lý của thị trường tài chính và tiền tệ; các vấn đề cơ bản của hoạt động tài chính trong nền kinh tế thị trường như: lãi suất, lạm phát và tỷ giá; hoạt động của ngân hàng và các tổ chức tài chính phi ngân hàng, để có nền tảng kiến thức tiếp thu các môn học khác trong chuyên ngành.

20. Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung: Môn học nhằm giúp cho sinh viên:

- Mô tả được bản chất, đặc điểm, vai trò của kế toán, các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận (GAAP).
- Giải thích được bản chất và nội dung từng bước của chu trình kế toán.
- Vận dụng được các phương pháp kế toán để lập các báo cáo tài chính ở mức độ giản đơn.
- Thực hiện được các kỹ thuật kế toán trong từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn.

– Phân tích được quá trình hình thành luồng thông tin kế toán phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin. giải quyết các vấn đề.

21. Kinh tế và tài chính quốc tế (International Economics and Finance)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô.

Nội dung: Môn học nhằm giúp cho sinh viên

Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị các kiến thức cơ bản cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường trong điều kiện nền kinh tế mở.

Kinh tế học quốc tế nghiên cứu sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các nền kinh tế riêng biệt trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên khan hiếm để thỏa mãn một cách tốt nhất nhu cầu của con người. Kinh tế học quốc tế được chia làm hai phần chính: thương mại quốc tế và tài chính quốc tế. Điều quan tâm chính của học phần không chỉ là các nguyên lý lý thuyết cơ sở của Kinh tế học quốc tế, mà cả những tình huống thực tế và các vấn đề về chính sách kinh tế quốc tế.

22. Luật kinh tế (Economic Law)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Pháp luật đại cương.

Nội dung: Môn học nhằm giúp cho sinh viên

Kiến thức pháp luật về các hình thức kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp, cách thức thành lập, hoạt động, giải thể và phá sản doanh nghiệp; Kiến thức pháp luật về hợp đồng, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

23. Marketing căn bản (Basic Marketing)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung: Môn học Marketing căn bản nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động marketing; Các khái niệm, thuật ngữ marketing cơ bản; Nguyên lý căn bản của marketing; Nghiên cứu thị trường – Hành vi khách hàng; Các công cụ marketing mix (Sản phẩm, Định giá, Phân phối, Chiêu thị).

24. Thống kê kinh doanh (Business Statistics)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không.

Nội dung: Môn thống kê kinh doanh được thiết kế để chuẩn bị cho sinh viên học về kinh doanh những kiến thức căn bản, kỹ năng và hiểu biết phù hợp để họ làm quen với các thuật ngữ và khái niệm thống kê. Từ đó, sinh viên có thể áp dụng những điều này ở cấp độ cơ bản. Hơn thế nữa, sinh viên hoàn thành môn học này sẽ được chuẩn bị cho các kiến thức thống kê cao hơn được phát triển trong bối cảnh các môn tự chọn chuyên ngành. Sinh viên sẽ quen thuộc với thuật ngữ thống kê và chuẩn bị tốt để phát triển các kỹ thuật thống kê cụ thể ở các cấp độ nâng cao hơn.

Sinh viên sẽ được khám phá một loạt các kỹ thuật thống kê và được đào tạo để xác định một phương pháp thống kê cụ thể để phân tích một vấn đề kinh doanh nhất định. Sinh viên sẽ được giới thiệu: cơ sở lý luận để áp dụng số liệu thống kê cho các quyết định kinh doanh và mô tả dữ liệu kinh tế bằng cách áp dụng các kỹ thuật thống kê phù hợp. Các chủ đề bao gồm: phân phối xác suất và xác suất thống kê; phân phối chuẩn; phân phối mẫu và ước tính tham số; kiểm định giả thuyết; hồi quy tuyến tính và tương quan; phân tích và dự báo chuỗi thời gian; số chỉ số. Hoàn thành môn học này giúp sinh viên hình dung thế giới kinh doanh từ góc độ khoa học và định lượng và sẽ trang bị cho sinh viên cách giảm thiểu rủi ro bởi quyết định chủ quan.

25. Quản trị học (Management)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung: Quan tâm cập nhật về môi trường kinh doanh (đặc biệt về luật và chính sách) để có thể lập kế hoạch, tổ chức bộ máy, công việc, biết điều hành, chọn cách giám sát hữu hiệu và biết cách giải quyết vấn đề nhằm đạt mục tiêu của tổ chức hoặc doanh nghiệp.

26. Kinh tế lượng (Econometrics)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung: Môn học cung cấp cho Sinh viên

Kiến thức:

- Xác định, phân loại được các kiến thức căn bản trong mô hình hồi quy đơn, bội, hồi quy với biến giả, các khuyết tật căn bản trong xây dựng mô hình hồi quy như đa cộng tuyến, phương sai thay đổi và tự tương quan
- Tính toán được các đặc trưng của mô hình hồi quy đơn, mô hình hồi quy bội. Áp dụng, đánh giá các kết quả khi sử dụng phần mềm Eviews để xây dựng mô hình hồi quy.
- Lý giải, đánh giá cho các khuyết tật của mô hình hồi quy. Sử dụng mô hình hồi quy trong việc dự báo, kết luận các vấn đề kinh tế....

Kỹ năng:

- Vận dụng kỹ năng tính toán và phân tích để xây dựng các mô hình hồi quy theo sự hướng dẫn.
- Vận dụng khả năng trình bày, giao tiếp để quản lý nhóm, giải quyết các vấn đề liên quan đến nhóm.

Thái độ:

- Thể hiện ý thức tự rèn luyện học tập thường xuyên.

27. Anh văn chuyên ngành 1 (Specialized English for Business 1)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Anh văn 4

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng nghe để sinh viên có thể giới thiệu về công ty và đàm phán trong kinh doanh ở mức độ cơ bản.

28. Anh văn chuyên ngành 2 (Specialized English for Business 2)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Anh văn chuyên ngành 1

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng nghe để sinh viên có thể giới thiệu về công ty và đàm phán trong kinh doanh ở mức độ cơ bản.

29. Thương mại điện tử (E-commerce)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Marketing căn bản

Nội dung: Cung cấp những kiến thức căn bản về hoạt động thương mại trên mạng Internet. Mô tả, giải thích các mô hình thương điện tử B2C, B2B cùng các hình thức thanh toán trực tuyến. Phân tích những rủi ro trong hoạt động thương mại điện tử và các giải pháp cho những rủi ro trên. Hướng dẫn phương thức xây dựng và vận hành của website TMĐT cơ bản. Xây dựng bản kế hoạch Marketing kỹ thuật số. Hướng dẫn các bước thực hiện công cụ quảng cáo trực tiếp Google Adwords.

30. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế (Foreign Trade Operations and International Payment)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không.

Nội dung: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu: các điều kiện thương mại quốc tế; Các kiến thức về phương thức giao dịch quốc tế; Thanh toán quốc tế, đọc hiểu và soạn thảo thư tín thương mại và hợp đồng ngoại thương; Quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu.

31. Thách thức kinh doanh quốc tế (International Business Challenge).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Thách thức kinh doanh tích hợp.

Nội dung: Thách thức kinh doanh quốc tế là môn học thứ hai trong chuỗi môn học về thách thức kinh doanh. Môn học tập trung vào việc kinh doanh trên toàn cầu đặc biệt là ở châu Á, quản trị dự án kinh doanh, phát triển nghề nghiệp và quản trị. Môn học tiếp tục phát triển các kỹ năng về chuyên môn, cá nhân và học thuật đã bắt đầu trong các môn học ở năm đầu tiên và đặc biệt trong môn Thách thức kinh doanh tích hợp. Môn học này cung cấp một bối cảnh quốc tế nhằm phân tích các xu hướng và cơ hội trên thị trường toàn cầu bằng khung giải quyết vấn đề và quản trị dự án thông qua việc thực hiện một dự án quốc tế. Sinh viên phát triển sự hiểu biết đa văn hóa từ quan điểm cá nhân, chuyên ngành và kinh doanh cũng như đánh giá cao sự đặc thù của việc làm việc trong các cộng đồng địa phương và toàn cầu.

Dự án quốc tế sẽ sử dụng các nguyên tắc quản trị dự án và giải quyết vấn đề trong việc phát triển các đề xuất kinh doanh và kế hoạch kinh doanh. Sinh viên phát triển và đưa ra những ý tưởng kinh doanh độc đáo, áp dụng việc học tập của họ vào các tổ chức kinh doanh trên một vấn đề kinh doanh hiện tại và bán đề xuất của họ cho những người ra quyết định trong một môi trường kinh doanh mô phỏng có tính cạnh tranh cao. Tất cả sinh viên sử dụng kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác bao gồm phân tích và quản trị kinh doanh, quản trị vận hành, quản trị dự án, kinh tế kinh doanh, tiếp thị, quản trị nguồn nhân lực, kế toán, tài chính, luật kinh doanh, công nghệ thông tin, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) và quản trị đạo đức.

32. Thách thức kinh doanh ứng dụng (Applied Business Challenge).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Thách thức kinh doanh quốc tế

Nội dung: Thách thức kinh doanh ứng dụng là môn thứ ba trong chuỗi môn học về Thách thức kinh doanh bao gồm ba lĩnh vực rộng lớn về kiến thức kinh doanh chuyên ngành, quốc tế hóa, thuộc tính cá nhân và kỹ năng chuyên môn. Môn học tập trung phát triển, thể hiện và ứng dụng các kỹ năng của sinh viên xung quanh các chủ đề lãnh đạo và thách thức, cung cấp sự liên kết trong chuỗi môn học về Thách thức kinh doanh cũng như các môn chuyên ngành kinh doanh khác. Sinh viên sẽ thể hiện sự hiểu biết của họ về môi trường kinh doanh, kiến thức và kỹ năng cần thiết cho việc thực hành chuyên môn. Sinh viên thực hiện dự án kết hợp đa ngành, mô phỏng và nghiên cứu.

Các dự án có thể được đặt tại nơi làm việc, cộng đồng hoặc tại chỗ và có thể được hỗ trợ bởi cựu sinh viên và cố vấn kinh doanh với tư cách là người quản lý dự án. Sinh viên sử dụng các kỹ năng cá nhân và chuyên môn của họ để hỗ trợ cho việc ra quyết định kinh doanh và cá nhân. Trong môi trường làm việc, sinh viên sẽ có thể kiểm tra các chủ đề về xác định vấn đề, lập kế hoạch và chiến lược giải quyết vấn đề. Họ sẽ có thể hình dung về sự chuyển đổi từ môi trường học thuật sang môi trường làm việc và thể hiện trong kế hoạch nghề nghiệp của họ. Môn học sẽ cung cấp sự linh hoạt thông qua lựa chọn ba thách thức: thách thức nghiên cứu, thách thức kỹ luật và thách thức đa ngành.

33. Quản trị tài chính (Financial Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán

Nội dung: Nắm vững kiến thức cơ bản về công tác quản trị tài chính của doanh nghiệp, biết xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh. Nắm vững kỹ năng trong công tác quản lý và sử dụng vốn. Sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đạt lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua các chỉ tiêu tài chính.

34. Quản trị nguồn nhân lực (Human Resource Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến những khái niệm và nguyên lý căn bản trong quản trị nguồn nhân lực. Biết vận dụng những kiến thức đã học để nhận diện các vấn đề nhân sự trong tổ chức và đưa ra các giải pháp giải quyết phù hợp cho từng hoàn cảnh, từng vấn đề.

35. Hành vi tổ chức (Organizational Behaviour).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Nội dung: Cung cấp kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức, giúp sinh viên nhận thức được thái độ, giá trị và sự thỏa mãn trong công việc, góp phần vào việc đổi mới và phát triển tổ chức.

36. Quản trị marketing (Marketing Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Marketing căn bản

Nội dung: Cung cấp những kiến thức và kỹ năng thực hành cần thiết để có thể đảm nhận trách nhiệm quản trị các hoạt động marketing của một tổ chức. Nội dung gồm có: Hiểu biết về những quan điểm mới về marketing và tiến trình quản trị marketing, phân tích thị trường cạnh tranh và các cơ hội marketing, hoạch định các chiến lược marketing nền tảng của doanh nghiệp, hoạch định các chiến lược sản phẩm và định giá; hoạch định các chiến lược phân phối và chiêu thị, cách xây dựng kế hoạch và ngân sách marketing hằng năm, xây dựng các chương trình hay chiến dịch marketing đặc biệt, phương thức triển khai, kiểm soát và giám định các hoạt động marketing, định hướng về các ngành nghề chuyên môn trong lĩnh vực marketing. Thực hành việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp cho một vấn đề thực tiễn của thị trường hiện tại.

37. Quản trị chiến lược (Strategic Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Nội dung: Vận dụng kiến thức quản trị chiến lược nhằm xây dựng chiến lược cho công ty, xây dựng chiến lược cho các đơn vị chức năng, xây dựng chiến lược cho các đơn vị kinh doanh.

38. Quản trị sự thay đổi trong tổ chức (Managing Organizational Change).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Nội dung: Môn quản trị sự thay đổi trong tổ chức giúp phát triển sự hiểu biết hiện đại về thiết kế tổ chức, thay đổi và phát triển tổ chức thông qua bối cảnh hóa những thách thức chung để thay đổi trong cả hình thức tổ chức truyền thống và hiện đại. Sinh viên được thử thách thông qua việc chất vấn và phản biện thực tiễn và lý thuyết về các lý thuyết và mô hình thay đổi. Sinh viên sẽ nâng cao các kỹ năng chuẩn đoán, các năng lực và quy trình trong việc đánh giá nhu cầu thay đổi, và sự phát triển, thực hiện và đánh giá các chiến lược thay đổi ở tất cả các cấp độ tổ chức. Các giải pháp cho các vấn đề quản trị sự thay đổi phức tạp sẽ được đưa ra theo hướng có trách nhiệm với xã hội và văn hóa, nơi sinh viên sẽ ủng hộ và chứng minh các khuyến nghị dựa trên tài liệu học thuật để thể hiện trách nhiệm và trách nhiệm nghề nghiệp.

39. Quản trị chất lượng (Quality Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Nội dung: Hiểu được đánh giá chất lượng một cách toàn diện. Nắm bắt được việc kiểm soát chất lượng qua năm bắt 7 công cụ thống kê, Ý nghĩa của sử dụng ISO 9001.

40. Quản trị rủi ro (Risk Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Nội dung: Nhận diện, đo lường, kiểm soát, xử lý được các rủi ro có khả năng xảy ra và có khả năng sử dụng các công cụ để quản lý rủi ro trong tổ chức, doanh nghiệp.

41. Quản trị dự án (Project Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Nội dung: Quản trị một dự án nhỏ và vừa từ khâu lập kế hoạch, xây dựng tiến độ, quản lý tổ chức thực hiện, kiểm soát và quản trị rủi ro.

42. Quản trị sản xuất (Production Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Nội dung: Trang bị kiến thức về quản trị các yếu tố đầu vào, tổ chức, phối hợp các yếu tố đó nhằm chuyển hóa kết quả đầu ra là sản phẩm vật chất hay dịch vụ với hiệu quả cao nhất.

43. Quản trị kho bãi (Warehousing Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức căn bản về quản trị kho bãi; hoạch định, thiết kế và điều hành nhà kho; chức năng, nhiệm vụ của quản lý kho; tổ chức hệ thống kho hàng; kỹ thuật sắp xếp hàng trong kho; điều động hàng hóa trong kho; các quy tắc vận hành kho hàng; thể thức xuất-nhập kho; kiểm kê kho, những vấn đề về an toàn trong kho hàng; quản trị rủi ro trong kho hàng.

44. Quản trị thương hiệu (Brand Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Marketing căn bản.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức hiện đại về thương hiệu/nhãn hiệu và những kỹ năng thực hành của một giám đốc nhãn hiệu trong doanh nghiệp. Nội dung gồm có: Tổng quan về thương hiệu và nhãn hiệu, quy trình xây dựng thương hiệu, định vị thương hiệu, thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu, các chiến lược phát triển thương hiệu, chiến lược tiếp thị hỗn hợp nhằm xây dựng và quảng bá thương hiệu, cách xây dựng một chương trình quảng bá thương hiệu và nhãn hiệu của một sản phẩm mới, nhãn hiệu dành cho xuất khẩu, các vấn đề về pháp lý về bảo vệ thương hiệu/nhãn hiệu, đánh giá và định giá thương hiệu.

45. Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Marketing căn bản

Nội dung: Cung cấp các quan điểm về giá trị khách hàng và cách thức tăng cường những giá trị này thông qua việc tổ chức các hoạt động quản lý quan hệ khách hàng có hiệu quả. Nội dung gồm có: những khái niệm căn bản về ý nghĩa và vai trò của giá trị khách hàng và việc quản lý quan hệ khách hàng, những phương pháp thực dụng để đo lường sự thoả mãn của khách hàng, phương thức tăng cường chăm sóc khách hàng và đổi mới sự quản lý quan hệ khách hàng. Thực tập nghiên cứu và báo cáo về một số tình huống cụ thể.

46. Logistics.

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị hậu cần cũng như xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

47. Bảo hiểm và vận tải quốc tế (International Transportation and Insurance).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các nội dung liên quan đến vận tải quốc tế và bảo hiểm quốc tế. Trong mua bán hàng hóa quốc tế, hàng hóa được vận chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác bằng nhiều phương thức khác nhau, các phương thức này được trình bày trong môn học, cụ thể: phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, đường sắt, đường sông, đường bộ, đa phương thức và phương thức gửi hàng bằng container. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu như: khái niệm bảo hiểm, rủi ro, tổn thất hàng hóa, các điều kiện bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm.

48. Marketing quốc tế (International Marketing).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Marketing căn bản

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để đảm nhiệm các hoạt động marketing của một tổ chức xuất khẩu hoặc hoạt động trên qui mô toàn cầu. Nội dung gồm có: Tổng quan về phạm vi và thách thức của marketing trong môi trường kinh doanh toàn cầu hoặc hướng về xuất khẩu, nghiên cứu môi trường marketing toàn cầu, các chiến lược marketing xuất khẩu và marketing toàn cầu, tổ chức thực hiện và kiểm soát các hoạt động marketing ở nước ngoài.

49. Quản trị hành chính văn phòng (Administration Management).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Nội dung: SV nắm được việc sử dụng các công cụ hoạt động (điện thoại, email,...) một cách chuyên nghiệp.

Sử dụng các phương pháp quản lý văn phòng (quản lý hồ sơ quản lý hội họp, quản lý thông tin,...)

Vai trò người quản lý văn phòng, người nhân viên văn phòng.

50. Bối cảnh kinh doanh quốc tế (International Business Context).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô.

Nội dung: Hiểu biết rộng về môi trường kinh doanh quốc tế là điều cần thiết cho việc ra quyết định kinh doanh. Môn học này giới thiệu cho sinh viên về bản chất đa diện của kinh doanh quốc tế và xây dựng nền tảng cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn bằng cách cung cấp một bài kiểm tra đa ngành về các vấn đề mà các công ty phải đối mặt trên thị trường quốc tế. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu về môi trường kinh doanh quốc tế bao gồm thương mại và đầu tư toàn cầu, môi trường pháp lý, cơ cấu tổ chức, thực tiễn quản lý và chiến lược của công ty. Sinh viên hợp tác làm việc với nhau để phân tích và nghiên cứu các tình huống kinh doanh quốc tế và những thách thức của toàn cầu hóa trong các bối cảnh được lựa chọn.

51. Hành vi khách hàng (Customer Behaviour)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Marketing căn bản.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khách hàng như các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng, đặc biệt là hành vi mua hàng, quy trình ra quyết định mua hàng của khách hàng... Từ đó giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc nghiên cứu hành vi khách hàng, là tiền đề để đưa ra các quyết định về marketing và kinh doanh.

52. Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing).

Điều kiện tiên quyết/học trước: Marketing căn bản.

Nội dung: Môn Marketing kỹ thuật số nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về marketing trong thời đại số như: Nguyên lý & các hình thức hoạt động trong Digital Marketing; Kiến thức cơ bản về HTML và CSS để xây dựng Web; Cách xây dựng kế hoạch & tối ưu hóa Digital Marketing; Kỹ thuật đánh giá hiệu quả chiến dịch của Digital Marketing.

53. Tổ chức sự kiện (Event Planning)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Marketing căn bản.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên ngành những kiến thức cơ bản của từng khâu trong Tổ chức sự kiện: (1) Nhận yêu cầu, (2) Lên ý tưởng, (3) Thực hiện Bản trình chiếu, (4) Đấu thầu ý tưởng, (5) Triển khai chi tiết, (6) Chạy sự kiện, (7) Báo cáo sau sự kiện và Họp rút kinh nghiệm.

54. Introduction to ISM

(Nhập môn Quản lý hệ thống thông tin)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Ngày nay, việc áp dụng hiệu quả Công nghệ thông tin vào tổ chức kinh doanh là thiết yếu và vô cùng quan trọng. Môn học được xây dựng để trang bị cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh kiến thức nền tảng về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh, giúp sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản và vai trò của việc triển khai và quản lý hệ thống thông tin trong tổ chức.

55. Nền tảng máy tính

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần cứng máy tính, phần mềm, biểu diễn và xử lý thông tin trong máy tính, kiến thức cơ sở về lập trình, giới thiệu và mang đến cho sinh viên trải nghiệm phát triển và triển khai một ứng dụng phần mềm. Học phần không yêu cầu sinh viên phải có kiến thức về máy tính, mạng máy tính và lập trình.

56. Information system application – Database

(Cơ sở dữ liệu)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Môn học “Cơ sở dữ liệu” mô tả/định nghĩa các hệ thống thông tin có cấu trúc, được lưu trữ có tổ chức trên các thiết bị và nhằm đáp ứng việc khai thác, chia sẻ đồng thời cho nhiều người sử dụng. Đồng thời, môn học đưa ra các giải pháp, quy tắc chuẩn hóa để sinh viên phân tích, thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu chuẩn hơn và tốt hơn. Ngoài ra, môn học giúp sinh viên làm quen với môi trường lập trình ngôn ngữ T-SQL. Sinh viên được thực hành nhiều để nắm rõ hơn cách thực hiện và cách thực thi của hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

57. IS theories and practice

(Lý thuyết và thực hành hệ thống thông tin)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nhập môn quản lý hệ thống thông tin

Môn học đóng vai trò giúp sinh viên đúc kết kiến thức về lý thuyết quản lý hệ thống thông tin, hiểu rõ vai trò quản trị hệ thống thông tin mang lại lợi thế cho DN, sắp xếp mô hình tổ chức quản lý hệ thống thông tin, nắm vững các tiêu chuẩn quốc tế của quản lý vận hành hệ thống thông tin và có khả năng đánh giá mức độ khả dụng của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam.

58. Process & quality management

(Quản lý quy trình và chất lượng hệ thống thông tin)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản lý dự án hệ thống thông tin

Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức sau: Hiểu được việc quản lý chất lượng hệ thống thông tin là gì? Biết phương thức để nâng cao chất lượng hệ thống thông tin và cách đánh giá việc nâng cao chất lượng hệ thống thông tin trong môi trường doanh nghiệp. Hiểu được quy trình hệ thống thông tin là gì? Và vai trò của quy trình trong việc cung

cấp sản phẩm / dịch vụ đạt chất lượng tốt cho người dùng. Hiểu được phương thức để cải tiến quy trình hệ thống thông tin trong doanh nghiệp. Hiểu được các phương pháp và mô hình quản lý hệ thống thông tin như: CMMI, ITIL, COBIT5, Six Sigma,... Hiểu được phương thức đánh giá một hệ thống thông tin.

59. Requirements Engineering

(Kỹ thuật lấy yêu cầu doanh nghiệp)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nhập môn quản lý hệ thống thông tin

Giai đoạn lấy yêu cầu ảnh hưởng lớn đến sự thành công của một dự án Hệ thống thông tin. Hiện nay gần 70% lý do thất bại của các dự án là do hiểu nhu cầu của doanh nghiệp, của người sử dụng không đúng hoặc không đủ, từ đó dẫn đến việc xây dựng giải pháp ứng dụng CNTT không đúng thời điểm và không đem lại lợi ích kinh tế cho người dùng. Nguyên nhân cốt lõi của vấn đề này là do nhóm phát triển đã thất bại trong giai đoạn xác định đúng và đủ các yêu cầu của giải pháp. Vì vậy để giảm thiểu rủi ro thất bại dự án vì các sai lầm trong giai đoạn lấy yêu cầu, môn học được thiết kế để đào tạo cho sinh viên chuyên ngành Quản trị Hệ thống thông tin các kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến Kỹ thuật lấy yêu cầu. Sau khi được trang bị kiến thức nền tảng và thực hành trải nghiệm các kỹ thuật lấy yêu cầu, sinh viên sau khi ra trường có thể tham gia vào giai đoạn lấy yêu cầu, phân tích nghiệp vụ doanh nghiệp để hiểu đúng và đủ nhu cầu của khách hàng, góp phần không nhỏ vào sự thành công của dự án.

60. Business Value

(Giá trị doanh nghiệp)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm tổng quan về các giá trị của doanh nghiệp; từ giá trị kinh tế và tài sản cơ bản đến mở rộng ra một số các hình thức tạo ra giá trị khác. Khám phá tất cả các hình thức giá trị để xác định sự hưng thịnh của các tổ chức/doanh nghiệp trong dài hạn và hiểu làm thế nào con người/các nhân viên tác động đến các hình thức giá trị đó. Môn học cũng nhấn mạnh việc phân tích giá trị của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, phần mềm để sinh viên ngành ISM có cơ hội tìm hiểu những kiến thức thực tiễn giúp các em dễ dàng thích nghi với các môi trường làm việc sau này.

61. ISM and practices

(Quản lý dự án hệ thống thông tin)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nhập môn quản lý hệ thống thông tin

Môn học trình bày các kiến thức về hoạch định dự án, các qui trình phát triển, phân tích cạnh tranh, yêu cầu doanh nghiệp, kiến trúc, thiết kế, triển khai và tích hợp hệ thống thông tin và rèn luyện cho SV các kỹ năng liên quan đến công tác quản lý một dự án hệ thống thông tin. Song song đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm.

62. Business Process Management

(Quản lý quy trình doanh nghiệp)

Điều kiện tiên quyết/học trước: Nhập môn quản lý hệ thống thông tin

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức sau: Kiến trúc Doanh nghiệp (EA), Kiến trúc Thông tin (IA), Quy trình các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, Ngôn ngữ Mô hình Hóa thông dụng (UML, BPMN) Môn học nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Mô hình hóa Quy trình Kinh doanh, Phân tích đánh giá Quy trình Kinh doanh, Làm việc nhóm, Tư duy phản biện.

63. Mạng và bảo mật thông tin

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Môn học này sẽ giúp Sinh viên có kiến thức cơ bản về mạng máy tính, cấu trúc mạng và các mô hình mạng LAN, WAN, Internet và Intranet. Đồng thời giới thiệu cho sinh viên kiến thức cơ bản về bảo mật mạng và điện toán đám mây.

64. Phân tích dữ liệu doanh nghiệp

Điều kiện tiên quyết/học trước: Cơ sở dữ liệu

Môn học tập trung đem đến cho người học hiểu rõ vai trò quan trọng của dữ liệu và phân tích dữ liệu trong việc hỗ trợ doanh nghiệp ra các quyết định kinh doanh hiệu quả. Dữ liệu sẽ là vô nghĩa nếu không được phân tích và khai thác đúng mục đích kinh doanh. Qua môn học, sinh viên sẽ hiểu rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến phân tích dữ liệu doanh nghiệp, và thực hành ứng dụng một số công cụ phân tích các loại dữ liệu khác nhau để đáp ứng các bài toán kinh doanh của doanh nghiệp.

65. Đồ án hệ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Quản lý dự án hệ thống thông tin

Sau khi hoàn tất Đồ án, sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến hệ thống thông tin như CRM, ERP. Sinh viên hiểu được thực tế một hệ thống thông tin là như thế nào thông qua trải nghiệm hệ thống phần mềm mã nguồn mở Odoo (hoặc các hệ thống tương tự khác). Bên cạnh đó, sinh viên có thể áp dụng được lý thuyết để phân tích, xác định được giải pháp hệ thống thông tin phù hợp cho doanh nghiệp, đồng thời đánh giá và hiệu chỉnh quy trình và hệ thống để đáp ứng đúng nhu cầu của Doanh nghiệp.

66. Thực tập tốt nghiệp.

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không.

Nội dung: Sinh viên cần biết vận dụng hệ thống kiến thức, kỹ năng đã được trang bị để nghiên cứu một vấn đề trong thực tế.

67. Đồ án tốt nghiệp

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không.

Nội dung: Sinh viên có điều kiện tổng hợp, áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để phân tích, đánh giá, đề xuất các giải pháp kinh doanh, ứng dụng công nghệ thông tin để cải tiến, nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh, giải quyết các vấn đề mang tính thực tiễn mà một tổ chức đang gặp phải.

68. Khóa luận tốt nghiệp

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không.

Nội dung: Khóa luận tốt nghiệp là công trình cứu khoa học của sinh viên với sự hướng dẫn của giảng viên. Khóa luận thể hiện cơ sở lý luận, cách thức giải quyết vấn đề của thực tiễn sau khi đi thực tập TN.

6. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)**Chuyên ngành Quản trị kinh doanh**

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
1	1	DCT0080	Triết học Mác – Lênin	3	45				BB	
2	1	DKT0010	Kinh tế vi mô	3	45				BB	
3	1	DTA0012	Anh văn 1	3	45				BB	
4	1	DTN0160	Thống kê kinh doanh	3	45				BB	
5	1	DPL0010	Pháp luật đại cương	2	30				BB	
6	1	DTH0012	Tin học căn bản	2	30				BB	
7	1	DQP0010	Giáo dục quốc phòng						BB	
8	2	DTA0020	Anh văn 2	3	45				BB	Đạt Anh văn 1
9	2	DCT0090	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30				BB	
10	2	DKT0020	Marketing căn bản	3	45				BB	
11	2	DQT0020	Đạo đức kinh doanh	2	30				BB	
12	2	DKT0031	Kinh tế vĩ mô	3	45				BB	
13	2	DQT0010	Quản trị học	3	45				BB	
14	2	DMT0020	Môi trường và con người	2	30				BB	

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
15	2	DGT0010	Giáo dục thể chất 1						BB	
16	3	DTA0030	Anh văn 3	3	45				BB	Đạt Anh văn 2
17	3	DCT0100	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30				BB	
18	3	DPL0030	Luật kinh tế	2	30				BB	
19	3	DQT0360	Thách thức KD tích hợp	3	45				BB	
20	3	DKT0080	Tài chính tiền tệ	3	45				BB	
21	3	DGT0020	Giáo dục thể chất 2						BB	
22	4	DTA0040	Anh văn 4	3	45				BB	Đạt Anh văn 3
23	4	DKT0061	Kinh tế lượng	3	45				BB	
24	4	DAC0010	Nguyên lý kế toán	3	45				BB	
25	4	DCT0110	Lịch sử ĐCSVN	2	30				BB	
26	4	DKT0130	Kinh tế và tài chính quốc tế	3	45				BB	
27	4	DQT0370	Thách thức kinh doanh quốc tế	3	45				BB	
28	5	DTA0210	Anh văn chuyên ngành 1	3	45				BB	

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
29	5	DCT0030	Tư tưởng HCM	2	30				BB	
30	5	DCO0070	Thương mại điện tử	3	45				BB	
31	5	DCO0080	Nghiệp vụ KD XNK & TT QT	3	45				BB	
32	5	DQT0080	Quản trị rủi ro	2	30				BB	
33	5	DQT0090	Quản trị dự án	2	30				BB	
34	5	DQT0380	Thách thức kinh doanh ứng dụng	3	45				BB	
35	6	DTA0240	Anh văn chuyên ngành 2	3	45				BB	
36	6	DQT0091	Quản trị nguồn nhân lực	3	45				BB	
37	6	DQT0092	Quản trị tài chính	3	45				BB	
38	6	DQT0110	Quản trị Marketing	3	45				BB	
39	6	DQT0095	Quản trị sản xuất	2	30				BB	
40	6	DQT0390	Quản trị sự thay đổi trong tổ chức	3	45				BB	
41	6		Môn tự chọn	2					TC	
42	7	DQT0200	Hành vi tổ chức	2	30				BB	

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
43	7	DQT0093	Quản trị chiến lược	3	45				BB	
44	7	DQT0096	Quản trị quan hệ khách hàng	2	30				BB	
45	7	DQT0098	Quản trị chất lượng	3	45				BB	
46	7	DQT0100	Quản trị kho bãi	2	30				BB	
47	7	DQT0120	Quản trị thương hiệu	2	30				BB	
48	7		Môn tự chọn	3					TC	
49	8	DQT0330	Thực tập	2					BB	
50	8	DQT0800	Khóa luận TN hoặc các học phần thay thế	6					BB	

Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
1	1	DCT0080	Triết học Mác-Lênin	3	45				BB	
2	1	DKT0010	Kinh tế vi mô	3	45				BB	
3	1	DTA0012	Anh văn 1	3	45				BB	
4	1	DTN0160	Thống kê kinh doanh	3	45				BB	
5	1	DPL0010	Pháp luật đại cương	2	30				BB	
6	1	DTH0012	Tin học căn bản	2	30				BB	
7	1	DQP0010	Giáo dục quốc phòng						BB	
8	2	DCT0090	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30				BB	
9	2	DTA0020	Anh Văn 2	3	45				BB	Đạt Anh văn 1
10	2	DQT0031	Kinh tế vĩ mô	3	45				BB	
11	2	DMT0020	Môi trường và con người	2	30				BB	
12	2	DKT0020	Marketing căn bản	3	45				BB	
13	2	DQT0010	Quản trị học	3	45				BB	
14	2	DQT0020	Đạo đức kinh doanh	2	30				BB	
15	2	DGT0010	Giáo dục thể chất 1						BB	
16	3	DCT0100	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30				BB	
17	3	DTA0030	Anh văn 3	3	45				BB	Đạt Anh văn 2

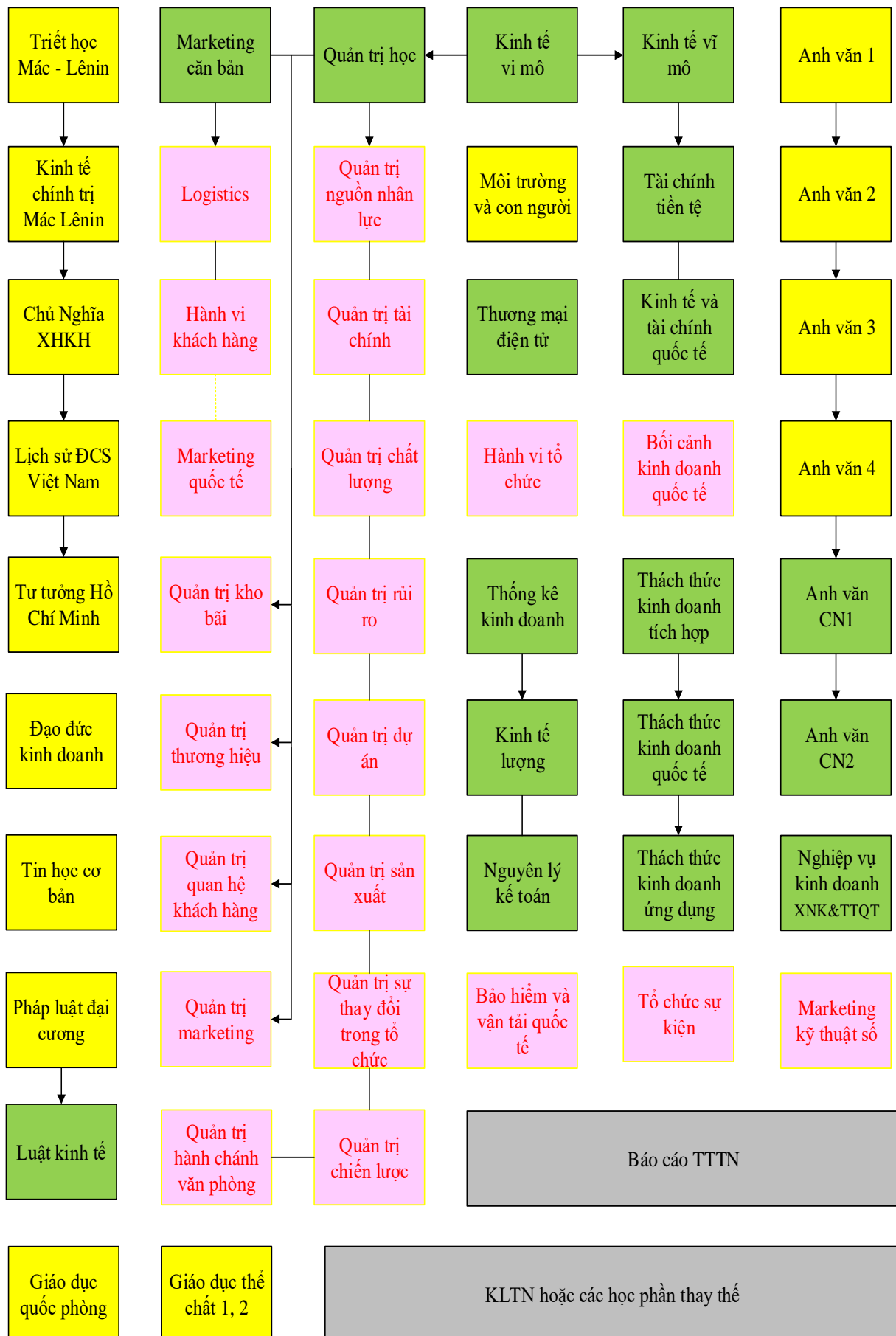
TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
18	3	DPL0030	Luật kinh tế	2					BB	
19	3	DAC0010	Nguyên lý kế toán	3	45				BB	
20	3	DKT0080	Tài chính tiền tệ	3	45				BB	
21	3	DQT0360	Thách thức kinh doanh tích hợp	3	45				BB	
22	3	DKT0061	Kinh tế lượng	3	45				BB	
23	4	DCT0110	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30				BB	
24	4	DKT0130	Kinh tế và tài chính quốc tế	2	30				BB	
25	4	DQT0091	Quản trị nguồn nhân lực	3	45				BB	
26	4	DQT0070	Introduction to ISM (Nhập môn Quản lý HTTT)	3	30	30			BB	
27	4	DTA0040	Anh văn 4	3	45				BB	Đạt Anh văn 3
28	4	DQT0370	Thách thức kinh doanh quốc tế	3	45				BB	
29	5	DTA0210	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	45				BB	
30	5	DCT0030	Tư tưởng HCM	2	30				BB	
31	5	DQT0060	Giá trị doanh nghiệp (Business Value)	3	30	30			BB	
32	5	DTH0053	Nền tảng máy tính (FOC)	3	30	30			BB	

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
33	5	DQT0221	Mạng và bảo mật thông tin	3	30	30			BB	
34	5	DQT0250	Kỹ thuật lấy yêu cầu doanh nghiệp (Requirements Engineering)	3	30	30			BB	
35	6	DTA0240	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	45				BB	
36	6	DQT0380	Thách thức kinh doanh ứng dụng	3	45				BB	
37	6	DQT0230	Cơ sở dữ liệu (Database)	3	30	30			BB	
38	6	DQT0260	Quản lý dự án HTTT (ISM and practices)	3	30	30			BB	
39	6	DQT0270	Quản lý quy trình doanh nghiệp (Business Process Management)	3	30	30			BB	
40		DQT0300	Đồ án hệ (ERP)	2		60			BB	
41	7	DQT0092	Quản trị tài chính	3	45				BB	
42	7	DQT0390	Quản trị sự thay đổi trong tổ chức	3	45				BB	
43	7	DQT0281	Lý thuyết và thực hành HTTT (IS theories and practices)	3	45				BB	
44	7	DQT0291	Quản lý quy trình và chất	3	45				BB	

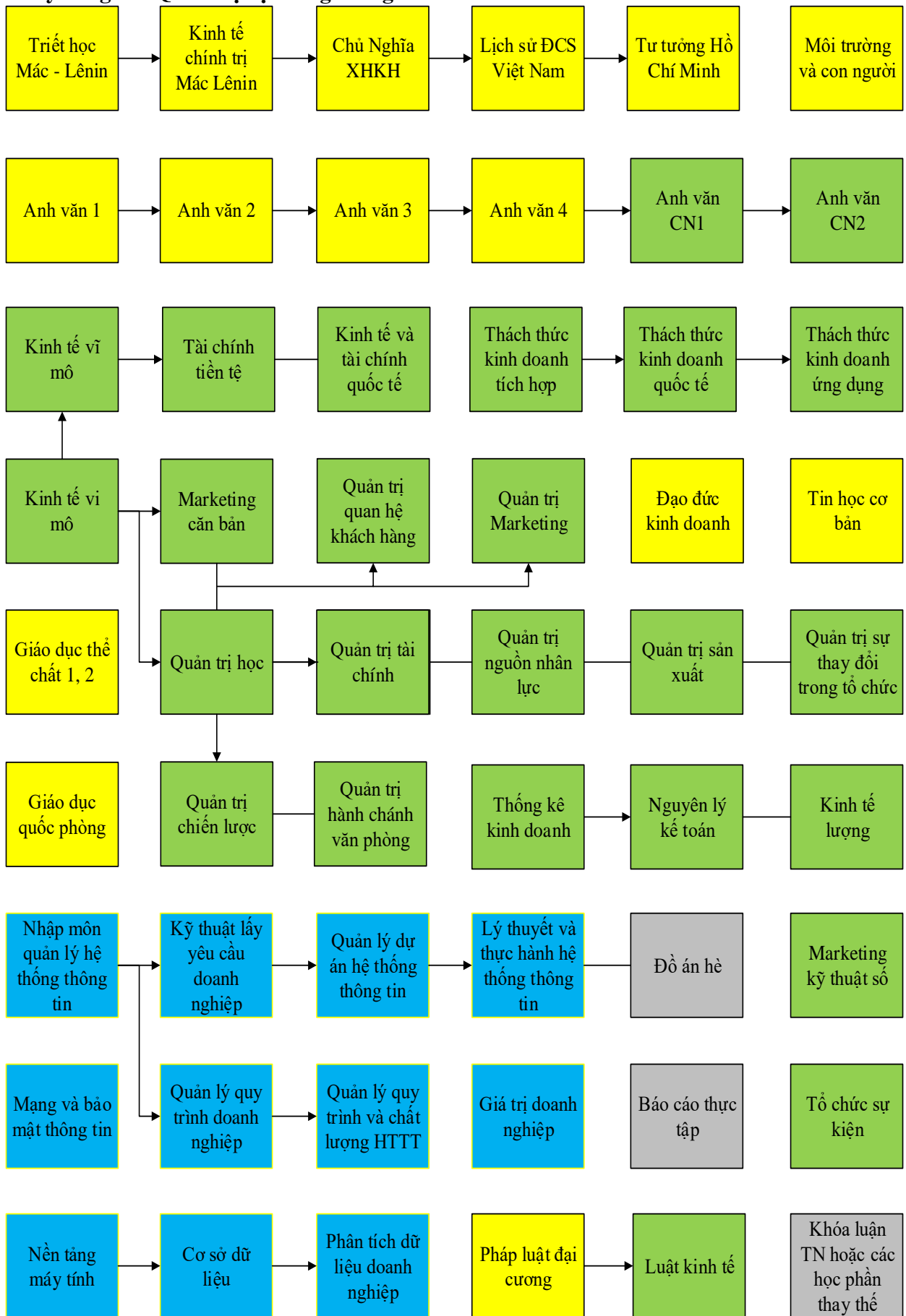
TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Điều kiện tiên quyết
					LT	TH	ĐA	TT		
			lượng HTTT (Process & quality management)							
45	7	DQT0241	Phân tích dữ liệu doanh nghiệp (Business Data analysis)	3	30	30			BB	
46	8	DQT0330	Thực tập	2					BB	
47	8	DQT0230	Đồ án tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế	6					BB	

7. Lưu đồ chương trình môn học:

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh



Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin



8. Phương pháp đánh giá

Cách thức đánh giá từng học phần được quy định chi tiết trong Đề cương từng học phần. Các Đề cương này sẽ được cập nhật từng năm học và được đưa công khai lên website của Đại học Văn Lang. Kết quả đánh giá mỗi học phần thường được cấu trúc với hai phần: kết quả đánh giá quá trình, và kết quả đánh giá cuối kỳ học. Kết quả đánh giá quá trình có thể gồm các nội dung: đánh giá sự chuyên cần; đánh giá tinh thần tham gia trong lớp học; đánh giá thi giữa kỳ...

Đánh giá cuối kỳ thường lấy kết quả thi cuối kỳ.

Phần đánh giá quá trình thường chiếm tỷ trọng 30-50%, phần đánh giá cuối học kỳ thường chiếm tỷ trọng 50-70% kết quả chung của học phần, tùy thuộc vào quy định được công bố trước của mỗi học phần.

9. Đề cương chi tiết các học phần (Xem phần phụ lục)

PHẦN C: CHƯƠNG TRÌNH KHÁC TRONG KHÓA HỌC

1. Chương trình trải nghiệm

Trong quá trình học, bên cạnh các học phần trong Chương trình đào tạo chính khóa, sinh viên sẽ tham dự các chuyên đề ngoại khóa về: Kỹ năng học đại học; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng tham dự phỏng vấn và xin việc làm...

2. Chương trình dịch vụ, phục vụ cộng đồng

Sinh viên được khuyến khích và tạo điều kiện để tham gia các phong trào của Đoàn, Hội để họ có những trải nghiệm trong cuộc sống thực tế, từ đó nâng cao khả năng thích ứng với môi trường kinh tế-xã hội.

3. Chương trình tiềm ẩn

Trong quá trình học, sinh viên sẽ được tham dự các hoạt động ngoại khóa nhằm tạo cơ hội để sinh viên rèn luyện các kỹ năng, vận dụng các kiến thức đã học để nâng cao năng lực toàn diện cho bản thân: Các buổi giao lưu với các cựu sinh viên, các nhà doanh nghiệp; Tham dự các Chương trình văn nghệ, các câu lạc bộ theo chuyên đề...

PHẦN D: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Sinh viên được các Cố vấn học tập hướng dẫn lập kế hoạch học tập trong toàn khóa học và đăng ký học phần theo kế hoạch của từng ngành;

Sinh viên sẽ được thi kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu khóa để xếp lớp phù hợp. Trước khi tốt nghiệp, sinh viên thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo như đã nêu ở mục 6.2 Phần A mới được cấp bằng tốt nghiệp./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu

TL. TRƯỞNG KHOA

A blue ink signature of ThS. Hứa Thị Bạch Yến.

ThS. Hứa Thị Bạch Yến

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Trường ĐH Văn Lang, ĐH Kinh tế - ĐHQG HN, ĐH Kinh tế TP. HCM, ĐH Mở TP. HCM)

STT	Tên học phần	ĐH Văn Lang	ĐH Kinh tế, ĐHQG Hà Nội	ĐH Kinh tế TP .HCM	ĐH Mở TP. HCM	Nội dung đối chiếu
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1	X	X	X	X	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 2	X	X	X	X	
3	Tư tưởng HCM	X	X	X	X	
4	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	X	X	X	X	
5	Pháp luật đại cương	X	X	X	X	
6	Môi trường và con người	X	XH học đại cương		XH học đại cương	
7	Đạo đức kinh doanh	X	X	X		
8	Kỹ năng nói	X	Tiếng anh cơ sở 1, 2, 3	Ngoại ngữ 1 & 2	Tiếng anh nâng cao 1, 2, 3, 4	
9	Kỹ năng nghe	X				
10	Kỹ năng đọc hiểu	X				
11	Kỹ năng viết	X				
12	Tin học cơ bản	X	X	X	X	
13	Giáo dục thể chất 1,2	X	X	X	X	
14	Giáo dục quốc phòng	X	X	X	X	
15	Kinh tế vi mô	X	X	X	X	
16	Kinh tế vĩ mô	X	X	X	X	
17	Thách thức kinh doanh tích hợp	X				
18	Tài chính tiền tệ	X		X		
19	Nguyên lý kế toán	X	X	X	X	
20	Kinh tế và tài chính quốc tế	X		X		
21	Luật kinh tế	X	X	X		

STT	Tên học phần	ĐH Văn Lang	ĐH Kinh tế, ĐHQG Hà Nội	ĐH Kinh tế TP .HCM	ĐH Mở TP. HCM	Nội dung đối chiếu
22	Marketing căn bản	X	X	X	X	
23	Thống kê kinh doanh	X	X	X	X	
24	Quản trị học	X	X	X	X	
25	Kinh tế lượng	X	X	X		
26	Thương mại điện tử	X	X		X	
27	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế	X		X		
28	Thách thức kinh doanh quốc tế	X				
29	Thách thức kinh doanh ứng dụng	X				
30	Marketing kỹ thuật số	X	X		X	
31	Quản trị tài chính	X	X	X	X	
32	Quản trị nguồn nhân lực	X	X	X	X	
33	Hành vi tổ chức	X	X	X	X	
34	Quản trị marketing	X	X	X	X	
35	Quản trị chiến lược	X	X	X	X	
36	Quản trị sự thay đổi trong tổ chức	X	X		X	
37	Quản trị chất lượng	X	X	X	X	
38	Quản trị rủi ro	X		X		
39	Quản trị dự án	X	X	X	X	
40	Quản trị sản xuất	X	X	X	X	
41	Quản trị kho bãi	X			X	
42	Quản trị thương hiệu	X	X		X	
43	Quản trị quan hệ khách hàng	X				
44	Logistic	X				
45	Bảo hiểm và vận tải quốc tế	X				
46	Kinh doanh quốc tế	X	X	X	X	
47	Quản trị hành chính văn phòng	X		X		

STT	Tên học phần	ĐH Văn Lang	ĐH Kinh tế, ĐHQG Hà Nội	ĐH Kinh tế TP .HCM	ĐH Mở TP. HCM	Nội dung đối chiếu
48	Hành vi khách hàng	X	X		X	
49	Truyền thông số	X	X		X	
50	Tổ chức sự kiện	X				
51	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	
52	Khoá luận tốt nghiệp	X	X	X	X	

(*) **GHI CHÚ: NHỮNG MÔN HỌC KHÔNG CÓ TRONG CTĐT CỬ NHÂN QTKD – TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG**

STT	ĐH Kinh tế, ĐHQG Hà Nội	Đại học Kinh tế TP. HCM	Đại học Mở TP. HCM
1	Kỹ năng hỗ trợ	Toán cao cấp	Kỹ năng học tập
2	Toán cao cấp	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Giao tiếp trong kinh doanh
3	Xác suất và thống kê	Tối ưu hóa	Phân tích định lượng trong quản trị
4	Toán kinh tế	Kinh tế phát triển	Kế toán quản trị
5	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Nghiên cứu thị trường	Marketing quốc tế
6	Lịch sử văn minh thế giới	Thị trường chứng khoán	Khởi nghiệp
7	Logic học	Kế toán quản trị	Tâm lý học quản trị
8	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	Lập kế hoạch kinh doanh
9	Đàm phán và giải quyết xung đột	Quản trị công nghệ	Quản trị bán hàng
10	Lý thuyết trò chơi và các quyết định kinh doanh	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	Marketing dịch vụ
11	Đại cương về lãnh đạo trong tổ chức	Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn	Truyền thông marketing tích hợp
12	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp		Quan hệ công chúng
13	Đại cương về chiến lược kinh doanh		Quản trị hiệu quả công việc
14	Quản trị thành tích và thù lao lao động		
15	Đào tạo và phát triển nhân lực		
16	Marketing dịch vụ		
17	Nghiên cứu marketing		
18	Marketing quốc tế		

STT	ĐH Kinh tế, ĐHQG Hà Nội	Đại học Kinh tế TP. HCM	Đại học Mở TP. HCM
19	Các mô hình ra quyết định		
20	Kế toán quản trị		
21	Kế toán tài chính		
22	Kế toán căn bản		
23	Quản lý đầu tư		
24	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu		
25	Các thị trường và định chế tài chính		
26	Thương mại quốc tế		
27	Bất động sản		
28	Quản trị công ty		
29	Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp		

Nguồn tham khảo:

<http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanhChinh/ChuongTrinhDaoTao/DHCO/quantrikinhdoanh/quantri.pdf>

<http://kqtkd.ou.edu.vn/chuong-trinh-dao-cao>

http://ueb.edu.vn/newsdetail/ctdt_chuan/14461/chuong-trinh-dao-cao-chuan-nganh-quan-tri-kinh-doanh.htm

COMPARISON OF TRAINING FRAMEWORK – BACHELOR OF BUSINESS ADMINISTRATION

(Van Lang University, Victoria University, Centria University, Mendel University)

NO.	Course	Van Lang University	Victoria University	Centria University	Mendel University	Comparison content
1	Principles of Marxism and Leninism 1	X				
2	Principles of Marxism and Leninism 2	X				
3	Ho Chi Minh's Ideology	X				
4	Strategies and Polycies of Vietnamese Communist Party	X				
5	General Law	X	X		X	
6	People and Environment	X				
7	Business Ethics	X	X			
8	Speaking	X		X	X	
9	Listening	X			X	
10	Reading	X			X	
11	Writing	X		X	X	
12	Basic Informatics	X	X		X	
13	Physical education 1,2	X				
14	National Defense Education	X				
15	Microeconomics	X	X	X	X	
16	Macroeconomics	X	X	X	X	
17	Integrated Business Challenge	X	X			
18	Money and Finance	X	X	X		
19	Principles of Accounting	X	X	X	X	
20	International Economics and Finance	X	X			
21	Economic Law	X	X	X		
22	Basic Marketing	X	X	X	X	
23	Business Statistics	X	X		X	

NO.	Course	Van Lang University	Victoria University	Centria University	Mendel University	Comparison content
24	Management	X	X	X	X	
25	Econometrics	X			X	
26	E-commerce	X				
27	Foreign Trade Operations and International Payment	X			X	
28	International Business Challenge	X	X			
29	Applied Business Challenge	X	X			
30	Digital Marketing	X				
31	Financial Management	X				
32	Human Resource Management	X	X		X	
33	Organizational Behaviour	X				
34	Marketing Management	X				
35	Strategic Management	X	X	X		
36	Managing Organizational Change	X	X			
37	Quality Management	X				
38	Risk Management	X		X		
39	Project Management	X				
40	Production Management	X	X		X	
41	Warehousing Management	X				
42	Brand Management	X				
43	Customer Relationship Management	X		X		
44	Logistic	X		X		
45	International Transportation and Insurance	X				
46	International Business	X	X			
47	Administration Management	X				
48	Customer Behaviour	X	X			
49	Digital Media	X				

NO.	Course	Van Lang University	Victoria University	Centria University	Mendel University	Comparison content
50	Event Planning	X				
51	Internship	X				
52	Thesis process			X	X	

(*) **GHI CHÚ: NHỮNG MÔN HỌC KHÔNG CÓ TRONG CTĐT CỦA NHÂN QTKD – TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG**

NO.	Victoria University	Centria University	Mendel University
1	Accounting for Decision Making	Management Accounting	Mathematics 1
2	Information Systems for Business	Mathematics and Statistical Methodology	Tax system
3	International Marketing	Leadership and Organizational Development	Sociology and Social Psychology
4	Innovation and Entrepreneurship	Sales and Customer service	French 1, 2
5	Knowledge Management Practices for Innovative Organisation	Business Planning	German 1, 2
6	International Trade Practices	Entrepreneurship	Italian 1, 2
7	International Economic Analysis	Intercultural Competence	Russian 1, 2
8	Distribution Management	Teams and Networks	Spanish 1, 2
9	E-supply chain Management	Basics of Finish	Principles of European Intergration in the World Perspective
10	Integrated Supply Chain Management	Introduction to Enterprise Resource planning – SAP Business One	Financial Markets
11	Doing Business in China	Financial Statement Analysis	Business Finance
12	Field Research Project	Business simulation game	Legal Environment of a business
13		Business communication	Bachelor Seminar
14		Integrated business processes in SAP ERP	Economic-mathemmatical Methods
15		Functionality of SAP ERP System – SAP S/4 HANA	European Cultures and Civillisations

NO.	Victoria University	Centria University	Mendel University
16		Preparation for SAP ERP certified associate qualifications (TERP10)	International Marketing
17		Global business seminar	Business plan
18		Business intelligence – SAP business objects BI platform	Managerial Psychology
19		Knowledge management and business intelligence	Tourism
20		Advanced financial accounting and management accounting – SAP business One and SAP S/4 HANA	Corporate social responsibility
21		SAP BW – Enterprise data warehousing	Energetics and technology
22		Data analysis and visualization – SAP Lumira	Information resources and communication
23		SAP activate methodology	Office Applications
24		Business process modeling – SAP solution manager	Practical Training
25		Advanced Finish	Recognized Professional Course from Study Stay 1, 2, 3, 4, 5
26		Environmental management tools	
27		Debating society	
28		Business life in Finland	

Source:

http://ects-prog.mendelu.cz/en/plan8912?utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo&zarsrc=30&fbclid=IwAR1uZkKujoQ96w65t1H6-3VOQs_CK8UDYXuFa-0nkWzHglSH67dIa1UBFQw

https://soleops.cou.fi/opsnet/disp/fi/ops_KoulOhjOps/tab/tab/sea?ryhma_id=5244038&koulohj_id=2003863&valkiel=en&stack=push&fbclid=IwAR2nQNRZrYFMFcsJWwN1cFUKMp7s5TfIzAYww8dYZ6ywTeRslU7OU7NEp5g